

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2020/DS-ST**

Ngày: 01-7-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Luyện Thanh Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hoàng Thị Xoan**;

2. Ông **Lê Đức Lam**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nga** - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: đường N, Phường 8, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức Thạnh D.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Nguyễn Khoa Ng.** Chức vụ: Phó giám đốc Trung tâm Thẻ Sacombank.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Nguyễn Thái L.** Chức vụ: Nhân viên. Theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2020.

2. Bị đơn: Bà Đào Thị Tr, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: tổ dân phố Ngh, thị trấn Th, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Tr vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 23/11/2009, Ngân hàng TMCP S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà Đào Thị Tr ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng tín dụng). Căn cứ thu nhập của bà Trung, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Tr đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 18.513.700đ. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và bà Tr phải chịu các khoản phí theo quy định tại điều 22 và 24 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành sử dụng thẻ tín dụng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Tr chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.484.827đ. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Tr vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Tr đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 16/02/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 7.677.002đ làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150%. Tính đến ngày 25/5/2020, bà Tr còn nợ số tiền 29.596.970đ (trong đó nợ gốc 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn 21.919.968đ).

Nay yêu cầu bà Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 29.596.970đ và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo quy định trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 26/5/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

Bị đơn bà Đào Thị Tr đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Mặt khác, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn nêu yêu cầu buộc bà Đào Thị Tr có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 29.902.331đ (trong đó nợ gốc 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn 22.225.329đ) tính đến ngày 01/7/2020 và tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo quy định trong Hợp đồng tín dụng từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc. Bị đơn bà Tr vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Đối với đương sự trong vụ án không chấp hành các quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn bà Đào Thị Tr.

Buộc Đào Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 29.902.331đ (trong đó nợ gốc 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn 22.225.329đ) tính đến ngày 01/7/2020 và tiếp tục chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP S theo quy định trong Giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/11/2009 và Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngày 23/11/2009, Ngân hàng TMCP S và bà Đào Thị Tr đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Tr không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải thanh toán các khoản tiền còn nợ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Vụ án được Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh thụ lý, sau đó chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương. Xem xét địa chỉ của bà Tr được ghi trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/11/2009 thì bà Tr ghi địa chỉ tạm trú tại: 92/17 đường H, Phường 5, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh, địa chỉ thường trú: thị trấn Th, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xác minh tại Công an Phường 5, Quận G, kết quả xác minh cho biết tại địa chỉ 92/17 đường H, Phường 5, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh không có người mang tên Đào Thị Tr, sinh năm 1981 đang cư trú. Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương tiến hành xác minh tại Công an thị trấn Th, huyện Đơn Dương được biết bà Đào Thị Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Ng, thị trấn Th, huyện Đơn Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Phiên tòa ngày 15 tháng 6 năm 2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông L, bị đơn bà Tr vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, ông L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà Đào Thị Tr phải trả số tiền 29.902.331đ (trong đó nợ gốc 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn 22.225.329đ) tính đến ngày 01/7/2020 thì Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Ngày 23/11/2009, Ngân hàng và bà Đào Thị Tr thỏa thuận ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 4720740000310237 cho bà Tr, hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,15%/tháng. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định

tại Điều 17 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHHH ngày 31/12/2001 và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định hợp đồng tín dụng nói trên là hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Tr đã sử dụng thẻ và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 18.513.700đ. Tại Điều 2 Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ có nêu *“Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các khoản phí phát sinh trên tài khoản do việc sử dụng thẻ”*, tại Điều 20 Bản điều kiện và điều khoản về áp dụng thanh toán quy định *“Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự các khoản phí hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ”*. Từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 15/01/2013 bà Tr chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 21.484.827đ. Theo thứ tự thanh toán, sau khi trừ các khoản phí trễ hạn, phí vượt hạn mức và lãi phát sinh thì tính đến ngày 15/02/2013 bà Tr còn nợ Ngân hàng số tiền 7.677.002đ, trước đó Ngân hàng đã nhiều lần thông báo yêu cầu bà Tr trả số nợ còn lại nhưng không thực hiện. Do bà Tr vi phạm thỏa thuận các bên đã ký kết nên ngày 16/02/2013 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển số dư nợ 7.677.002đ làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, bà Tr còn nợ số tiền lãi quá hạn như sau: $7.677.002đ \times (2,15\% \times 150\%) : 30 \text{ ngày} \times 2693 \text{ ngày (từ ngày 16/02/2013 – đến ngày 01/7/2020)} = 22.225.329đ$.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà Đào Thị Tr phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 01/7/2020 là 29.902.331đ (trong đó nợ gốc 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn 22.225.329đ) là phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[2.2] *Xét yêu cầu của Ngân hàng về buộc bà Đào Thị Tr phải thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc theo quy định trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc thì Hội đồng xét xử thấy rằng:*

Yêu cầu của Ngân hàng phù hợp với các điều khoản các bên đã ký kết trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, phù hợp quy định tại Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành. Mặt khác, tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản*

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

Do đó, cần buộc bà Đào Thị Tr tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng kể từ ngày 02/7/2020 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Do chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn nên buộc bị đơn bà Tr phải chịu 1.495.116đ (29.902.331đ x 5%) tiền án phí tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 207, 208, 210, 211, 220, 227, 228, 238, 262 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” đối với bị đơn bà Đào Thị Tr.

Buộc Đào Thị Tr có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 29.902.331đ (*Hai mươi chín triệu chín trăm không hai ngàn ba trăm ba mươi một đồng*) trong đó nợ gốc là 7.677.002đ, nợ lãi quá hạn là 22.225.329đ tính đến ngày 01/7/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ; bà Đào Thị Tr còn phải chịu số tiền lãi quá hạn phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quy định trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 23/11/2009 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

2. *Về án phí:* Buộc bà Đào Thị Tr phải chịu 1.495.116đ (*Một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn một trăm mười sáu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S 682.360đ (*Sáu trăm tám mươi hai ngàn ba*

trăm sáu mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0025332 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Đào Thị Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Luyện Thanh Sơn